TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **316/**2025/DS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, ông Lý Thơ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/QĐ-PT ngày 21/7/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 294/QĐ-PT ngày 08/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số F P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) – *Vắng mặt.*

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Tạ Thanh H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số I H, tổ dân phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) – *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số A H, tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) – *Có mặt.*

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số A N nối dài, phường B, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trọng H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk) – *Có mặt.*

**** Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Phan Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:***

Ngày 25/3/2022, bà D vay của bà N số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư đất, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Khi vay bà D nhắn tin qua ứng dụng Zalo với tên đăng nhập là Ngọc D để đề nghị bà N chuyển số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 123453979 tại Ngân hàng S1 của ông Lê Trọng H1, bà N đồng ý và đã chuyển khoản 300.000.000 đồng vào số tài khoản trên.

Sau khi giao dịch chuyển tiền thành công, bà N có thông báo cho bà D và được bà D xác nhận đã nhận được tiền. Việc vay mượn tiền không lập thành văn bản, các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất và thời hạn trả nợ.

Từ khi vay cho đến nay bà D chưa trả cho bà N khoản tiền nào. Vì vậy bà N khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả cho bà N số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 18/5/2023 cho đến khi trả xong nợ.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Ngọc D trình bày:***

Bà và bà N có quan hệ quen biết và có đầu tư đất cùng nhau nhiều lần. Vào năm 2022 bà có rủ bà N đầu tư chung cùng mua đất với ông H1 và một số người khác, do ông H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà và bà N mỗi người góp 300.000.000 đồng và số tiền 300.000.000 đồng mà bà N chuyển tiền cho ông H1 là tiền góp vốn của bà N. Do chị em làm ăn lâu năm, tin tưởng nhau nên khi thỏa thuận góp vốn mua đất chung không lập văn bản giấy tờ gì. Thực tế giữa bà và bà N không có việc vay mượn tiền. Đối với nội dung tin nhắn trao đổi giữa bà và bà N về việc bà N đã chuyển số tiền 300.000.000 đồng và phần tin nhắn bà N đòi tiền của bà thì đó là giao dịch khác, không liên quan đến số tiền bà N đang khởi kiện. Vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trọng H1 trình bày:***

Ông và bà N không quen biết gì nhau, giữa ông và bà D có quen biết nhau từ trước do cùng làm ăn chung với nhau. Tháng 12/2021 ông H1, bà D và một số người khác thỏa thuận cùng góp vốn mua đất chung, thống nhất mỗi người góp 400.000.000 đồng. Các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản giấy tờ gì, bà D chỉ góp được 100.000.000 đồng tiền mặt, số tiền còn lại 300.000.000 đồng thì bà D xin góp sau. Đến ngày 25/3/2022, có số tài khoản của bà N chuyển vào số tài khoản 123453979 tại Ngân hàng S1 của ông với số tiền 300.000.000 đồng và ghi nội dung "Ngoc D chuyen tien". Sau khi nhận tiền thì ông có điện thoại hỏi, bà D nói số tiền 300.000.000 đồng mà bà N chuyển khoản là tiền bà D góp vào đầu tư mua đất còn thiếu.

Đến tháng 6/2022, vì làm ăn không hợp nhau nên ông và những người góp vốn chung thống nhất chuyển trả số tiền 400.000.000 đồng đã góp cho bà D, bà D xác nhận đã nhận lại số tiền trên.

Việc vay mượn giữa bà D với bà N như thế nào thì ông không biết và không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk) đã quyết định:***

Căn cứ các điều 357, 400, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị N.

Buộc bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho bà Thân Thị N tổng số tiền 355.527.000 đồng, trong đó gốc 300.000.000 đồng, lãi 55.527.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2025) cho đến khi thi hành án xong bà Phan Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/4/2025, bị đơn bà Phan Thị Ngọc D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm vì còn nhiều nội dung chưa được làm rõ, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Ngọc D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Ngọc D nộp trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 25/3/2022, tài khoản Zalo Ngọc D1 nhắn tin vào tài khoản Zalo của bà N nội dung thông tin số tài khoản 12345379 tại Ngân hàng S1 của ông Lê Trọng H1, sau đó bà N chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản trên và báo cho bà D1 biết, bà D1 phản hồi lại là "Dạ". Theo bà N, giao dịch trên là thoả thuận vay

mượn tiền giữa bà N và bà D1 nhưng chỉ thoả thuận bằng miệng, không lập giấy tờ và thông qua việc chuyển khoản cho người khác.

Bà D1 thừa nhận nội dung tin nhắn trên là của bà nhắn cho bà N, nhưng cho rằng số tiền 300.000.000 đồng bà N chuyển khoản không phải là tiền bà D1 vay của bà N, mà là tiền bà N tự góp vốn để mua chung lô đất cùng với bà D1, ông H1 và một số người khác, do ông H1 là người đứng ra giao dịch mua lô đất nên mới chuyển tiền cho ông H1, nếu bà D1 vay tiền thì phải có giấy tờ hoặc tin nhắn trao đổi với bà N và chuyển khoản vào tài khoản của bà D1, khi bà N chụp màn hình chuyển khoản cho bà D1 biết thì không thấy có nội dung chuyển tiền, bà D1 chỉ xác nhận việc bà N đã tham gia góp vốn, không xác nhận vay tiền, số tiền bà D1 đã nhận từ ông H1 và những người khác là tiền hoa hồng, lợi nhuận làm ăn chung, không liên quan gì đến khoản tiền bà N khởi kiện. Tuy nhiên, ngoài lời khai trên bà D1 không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, không được bà N, ông H1 thừa nhận. Lời khai của ông H1 xác định: ông không quen biết với bà N, giữa ông H1 và bà D1 có mối quan hệ góp vốn làm ăn chung; vào tháng 12/2021 ông H1, bà D1 và một số người khác có thỏa thuận góp vốn để mua chung lô đất, theo đó mỗi người góp 400.000.000 đồng, bà D1 chỉ góp được 100.000.000 đồng tiền mặt, số tiền 300.000.000 đồng còn lại thì bà D1 xin góp sau; ngày 25/3/2022 có giao dịch chuyển tiền vào tài khoản của ông H1 số tiền 300.000.000 đồng với nội dung "NGOC D chuyen tien"; sau khi nhận tiền ông H1 có hỏi thì bà D1 nói số tiền bà N chuyển là tiền bà D1 góp vào đầu tư mua đất còn thiếu; đến tháng 6/2022 vì làm ăn không hợp nên ông H1 và những người góp vốn thống nhất chuyển trả số tiền 400.000.000 đồng cho bà D1; bà D1 đã xác nhận về việc nhận số tiền trên.

Xét, tại thời điểm bà N chuyển tiền cho ông H1 thì giữa bà N với bà D1 cũng như giữa bà D1 với ông H1 chưa phát sinh mâu thuẫn, không có lý do gì để bà N lại ghi nội dung chuyển khoản là "Ngoc D chuyen tien". Lời khai của ông H1 phù hợp với lời khai của bà N và lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Viết H2: ông H2 có mối quan hệ làm ăn chung với bà D1, ông H1; vào tháng 11/2021, ông H2, bà D1, ông H1 và ông Võ H3 thống nhất góp mỗi người 400.000.000 đồng để mua đất đầu tư, không có bà N tham gia, việc bà D1 góp tiền như thế nào thì ông không rõ, đến tháng 6/2022 thì bà D1 rút lại số tiền 400.000.000 đồng đã đầu tư và ông H2 là người trực tiếp chuyển số tiền này cho bà D1.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, bà D1 cung cấp các chứng cứ về việc thành lập Hợp tác xã N1 do bà D1 làm người đại diện theo pháp luật danh sách thành viên có ông H1, ông H2 và Hợp đồng góp vốn để thành lập Văn phòng B giữa bà D1, ông H1, ông Võ H3, ông Nguyễn Viết H2 nhưng đều không có bà N; một số hợp đồng đặt cọc ngày 06/3/2022, 12/3/2022 thể hiện bà N có giao dịch mua đất của người khác thông qua dịch vụ của Văn phòng B. Tuy nhiên các chứng cứ này không chứng minh được giao dịch chuyển tiền mà bà N thực hiện ngày 25/3/2022 cho ông H1 là tiền góp vốn của bà N.

Ngoài ra, đến tháng 5/2023, bà N nhắn tin cho bà D1 để hối thúc, yêu cầu bà D1 trả nợ thì bà D1 xin khất, gia hạn việc trả nợ như: bà N nhắn *"sao rồi e* (em)*"*, bà D1 trả lời *"Chưa được chị ơi"*, bà N nhắn lại *"Chị kh* (không) *biết đc* (được) *hay*

chưa, nhưng giờ e (em) *phải tìm cách xoay để trả cho c* (chị)*”*, bà D1 nhắn *“gần được rồi. Bán có tiền e* (em) *hỗ trợ tiền lãi lại chị nhé”* sau đó bà N nhắn *“E* (em) *nói 10 ngày mà hơn 10 ngày rồi đó...E* (em) *tìm đường khác lo tiền cho c* (chị) *gấp. Kh* (không) *chờ chỗ đó nữa...C* (chị) *đang rất cần... Ý là xoay tiền chỗ khác lo cho c* (chị) *á”...* Nội dung này phù hợp với việc bà D1 có vay tiền của bà N và chưa trả được nên bà N nhắn tin đòi nợ. Bà D1 cho rằng các tin nhắn trao đổi này liên quan đến việc bà N và bà D1 góp vốn đầu tư trồng rừng với bà Phạm Thị Hà K, sau đó diện tích đất rừng bị người khác lấn chiếm nên gặp khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng nên mới có việc bà N đòi lại tiền và yêu cầu bà D1 chụp ảnh thực tế gửi qua tin nhắn Zalo cho bà N chứ không liên quan đến số tiền bà N đang khởi kiện, đồng thời bà D1 cung cấp bản photo Hợp đồng liên kết đất để trồng rừng ngày 28/5/2022 giữa bà Phạm Thị Hà K với bà Phan Thị Ngọc D, bà Thân Thị N nhưng không có chữ ký của bà N, không được bà N thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích, lập luận trên, có thể khẳng định việc bà N có cho bà D vay số tiền 300.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông H1 là có thật, đến nay bà D vẫn chưa trả cho bà N nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D phải trả cho bà N số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Về tiền lãi: Do đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn, không thoả thuận về lãi nên bà D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày bà N có yêu cầu trả tiền là ngày 18/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/3/2025 với mức 10%/năm là phù hợp. Số tiền lãi là: 300.000.000 đồng x 10%/năm x x 22 tháng 09 ngày = 55.527.000 đồng. Như vậy, bà D phải trả cho bà N tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2025) là: 300.000.000 đồng + 55.527.000 đồng = 355.527.000 đồng.

[2.4] Đối với ý kiến của bị đơn đề nghị huỷ án sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nhiều nội dung chưa được làm rõ như: Hai bên không có thỏa thuận nào về việc vay tiền, nội dung, thời hạn vay, lãi suất, nguyên đơn trình bày cho vay 02 tháng nhưng đến tháng 3/2023 mới nhắn tin cho bà D đòi tiền là không phù hợp, lời khai của ông H1 và ông H2 là chưa đúng sự thật, có thống nhất từ trước, lời khai của các bên có mâu thuẫn nhưng chưa được đối chất làm rõ, ông Võ H3 là người góp vốn làm ăn chung với bà D, ông H1, bà N nhưng chưa triệu tập tham gia tố tụng,... Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà N, bà D và ông H1 đều có mặt và được trình bày ý kiến, đặt câu hỏi, tranh luận đối đáp với nhau, những nội dung cơ bản đều đã được làm rõ, các vấn đề bị đơn nêu ra không làm ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở xem xét, cần giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ và án phí dân sự phúc thẩm đối với kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Ngọc D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/DS-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị N.

1. Buộc bà Phan Thị Ngọc D phải trả cho bà Thân Thị N tổng số tiền 355.527.000 đồng *(Ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng)*. Trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 55.527.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/3/2025) cho đến khi thi hành án xong bà Phan Thị Ngọc D còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc D phải chịu 17.776.000 đồng *(Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Thân Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.472.000 đồng *(Mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0011842 ngày 18/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012097 ngày 14/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk).

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nhung